

TTĐT

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 1703 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2014

|                                  |                    |
|----------------------------------|--------------------|
| CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ |                    |
| ĐẾN                              | Số: .....S.....    |
|                                  | Ngày: ...24/9..... |

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 54/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 69/TTr-BLĐTBXH ngày 16 tháng 9 năm 2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Bằng Tổ quốc ghi công cho 58 liệt sĩ thuộc Bộ Công an, và 06 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hà Tĩnh, Nam Định, Nghệ An, Quảng Bình, Thừa Thiên Huế (có danh sách kèm theo).

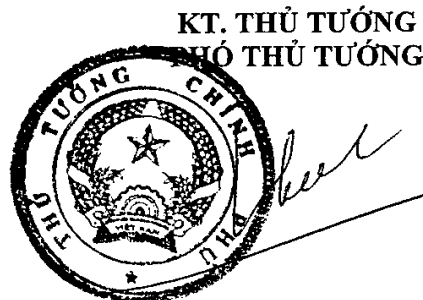
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./,

**Nơi nhận :**

- Bộ LĐ -Thương binh và Xã hội;
- VPCP: các PCN: Phạm Viết Muôn, Nguyễn Văn Tùng, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10b.

**KT. THỦ TƯỚNG**  
**PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Xuân Phúc**



**LIỆT SĨ ĐƯỢC TẠP BẢNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"**  
(Kèm theo Quyết định số 8703 /QĐ-TTg ngày 23 tháng 9 năm 2014  
của Thủ tướng Chính phủ)

**BỘ CÔNG AN**

**1. Liệt sĩ: Lường Phát Chiêm**

Đại úy Công an nhân dân, Nguyên quán: xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 7 năm 2014.

**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**2. Liệt sĩ: Dương Anh Tuấn**

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: phường Cự Khối, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 07 tháng 6 năm 2013.

**3. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Thiện**

Thương binh  $\frac{2}{4}$  (tỷ lệ 61%), Nguyên quán: xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 2013.

**4. Liệt sĩ: Nguyễn Trung Phần**

Thương binh  $\frac{2}{4}$  (tỷ lệ 61%), Nguyên quán: xã Cao Viên, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 02 năm 2013.

**5. Liệt sĩ: Hoàng Văn Trụ**

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: xã Phù Đồng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 25 tháng 01 năm 2013.

**6. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nhân**

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Châu Can, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 2013.

**7. Liệt sĩ: Hoàng Hải**

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 91%), Nguyên quán: phường Nam Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 02 năm 2014.

**TỈNH HÀ TĨNH**

8. Liệt sĩ: Trần Văn Học

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 2011.

#### **TỈNH NAM ĐỊNH**

9. Liệt sĩ: Trần Văn Vân

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 10 năm 1952.

#### **TỈNH NGHỆ AN**

10. Liệt sĩ: Trần Văn Nhị

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Vĩnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 9 năm 2011.

11. Liệt sĩ: Nguyễn Tất Cơ

Thương binh  $\frac{2}{4}$  (tỷ lệ 61%), Nguyên quán: xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 01 năm 2014.

12. Liệt sĩ: Nguyễn Thanh Hải

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Nghi Thủy, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 05 tháng 5 năm 2013.

#### **TỈNH QUẢNG BÌNH**

13. Liệt sĩ: Trần Xuân Sàng

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sen Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 08 tháng 5 năm 1967.

14. Liệt sĩ: Trần Thị Khuê

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972.

15. Liệt sĩ: Trương Văn Biên

Cán bộ kế toán, Nguyên quán: xã An Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1972.

16. Liệt sĩ: Nguyễn Hồng Hà

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 22 tháng 02 năm 1987.

17. Liệt sĩ: Dương Văn Hòa

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1987.

18. Liệt sĩ: Nguyễn Phú Phúc

Đội viên du kích, Nguyên quán: phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972.

19. Liệt sĩ: Trần Thanh Mão

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 04 tháng 8 năm 1982.

20. Liệt sĩ: Phạm Đình Hợp

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 01 năm 1981.

21. Liệt sĩ: Trần Ngọc Thái

Lái xe, Nguyên quán: xã Quảng Sơn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1968.

22. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Nghinh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 01 năm 1968.

23. Liệt sĩ: Cao Xuân Lãnh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1972.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Diệu

Công nhân, Nguyên quán: xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 12 năm 1972.

25. Liệt sĩ: Từ Xuân Chiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1967.

26. Liệt sĩ: Nguyễn Ngọc Phiến

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1975.

27. Liệt sĩ: Trương Văn Dương

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 7 năm 1986.

28. Liệt sĩ: Đinh Thìn

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1967.

29. Liệt sĩ: Dương Quốc Danh

Đội phó công trình, Nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968.

30. Liệt sĩ: Cao Bình Ninh

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 01 năm 1966.

31. Liệt sĩ: Hồ Hữu Hoạch

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Trung, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, năm 1967.

32. Liệt sĩ: Lê Đình Phú

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 5 năm 1970.

33. Liệt sĩ: Lê Công Thiệu

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 3 năm 1971.

34. Liệt sĩ: Trần Văn Luyên

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970.

35. Liệt sĩ: Trần Đình Lạc

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Quảng Thuận, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 3 năm 1968.

36. Liệt sĩ: Phan Quốc Thắng

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Linh Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1967.

37. Liệt sĩ: Đoàn Xuân Viễn

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1968.

38. Liệt sĩ: Đặng Văn Toàn

Thợ máy, Nguyên quán: xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972.

39. Liệt sĩ: Trần Văn Thặng

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Sơn, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968.

40. Liệt sĩ: Phạm Bá Muôn

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1970.

41. Liệt sĩ: Hoàng Xuân Diệp

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 01 năm 1968.

42. Liệt sĩ: Lê Đức Thanh

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 02 năm 1968.

43. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Chệt

Dân công, Nguyên quán: xã Bắc Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1966.

44. Liệt sĩ: Phan Văn Xá

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tân, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 07 tháng 01 năm 1966.

45. Liệt sĩ: Cao Thị Hiền

Y sĩ, Nguyên quán: xã Quảng Hải, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 07 tháng 11 năm 1972.

46. Liệt sĩ: Đoàn Chon

Tiểu đội trưởng dân quân, Nguyên quán: xã Quảng Minh, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1968.

47. Liệt sĩ: Trần Ất

Thủy thủ vận tải biển, Nguyên quán: xã Quảng Văn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 01 năm 1973.

48. Liệt sĩ: Nguyễn Xuân Hoa

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 12 năm 1974.

49. Liệt sĩ: Bùi Văn Tuyển

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Tiên, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1981.

50. Liệt sĩ: Cao Xuân Hiểu

Công nhân, Nguyên quán: xã Thượng Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 12 năm 1968.

51. Liệt sĩ: Cao Thanh Phong

Phó đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 8 năm 1982.

52. Liệt sĩ: Trần Đức Sơn

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 3 năm 1980.

53. Liệt sĩ: Nguyễn Đại Tình

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 12 năm 1978.

54. Liệt sĩ: Dương Văn Đủ

Công nhân, Nguyên quán: xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972.

55. Liệt sĩ: Phạm Đình Quang

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, năm 1978.

56. Liệt sĩ: Nguyễn Hữu Thơ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 03 năm 1981.

**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

57. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Cường

Thương binh  $\frac{1}{4}$  (tỷ lệ 81%), Nguyên quán: xã Phong Chương, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 6 năm 2013.

58. Liệt sĩ: Hồ Ưu

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Quảng Thái, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1968./.

---